TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN YÊN** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN,TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Cường *và* bà Hà Thị Thu

- ***Thư ký phiên toà*:** bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Phùng Thị N** - Sinh năm 1981.
Địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh **Trần Đình T -** Sinh năm 1971.
Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: thôn P, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2021, Toà án nhận ngày 25/10/2021, thụ lý ngày 01/11/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Đình T đăng ký kết hôn ngày 23/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm.

Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn N, xã Đ, huyện T, đến đầu năm 2009 thì chuyển về sinh sống cùng bố mẹ của chị tại thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Q; sau đó đến đầu năm 2013, anh, chị xây nhà ra

ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ của chị cùng thôn P, xã Đ, huyện T sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Ngày 16/8/2009 thì anh T đi làm ăn kinh tế nhưng không nói cho chị biết là đi đâu và làm công việc gì. Từ ngày 16/8/2009 đến nay chị và gia đình không có tin tức gì của anh T, chị và gia đình hai bên đã nhiều lần thông báo tìm kiếm nhưng không có kết quả. Tháng 3/2021 chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố anh Trần Đình T mất tích. Ngày 22/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên đã ra Quyết định số 04/2021/QĐST-VDS tuyên bố anh Trần Đình T mất tích. Kể từ khi có quyết định tuyên bố anh T mất tích đến nay, chị N vẫn không có bất cứ tin tức gì của anh T, anh T cũng không trở về địa phương.

Nay chị xét thấy thời gian anh T bỏ đi đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh T có 01 (một) con chung tên là Trần Thị Phương T' – sinh ngày 30/3/2009. Hiện nay cháu T' đang ở cùng với chị tại thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị trình bày chị và anh T không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Trần Đình T đã bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tuyên bố mất tích 22/9/2021. Sau khi thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án tại thôn P, xã Đ, huyện T; Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T là nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng của anh T và Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, nhưng đến ngày 28/01/2022 là ngày Toà án mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai lần thứ nhất và ngày 25/02/2022 xét xử lần thứ hai, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của anh T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh và Công an xã Đ, huyện T cung cấp thông tin: Hiện nay anh T vẫn là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên từ tháng 8/2009 đến nay, anh T vắng mặt tại gia đình và địa phương; địa phương không biết anh T đi đâu, làm gì, không có bất cứ tin tức gì của anh T. Từ khi Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên có Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS, ngày 22/9/2021 về việc tuyên bố anh T mất tích, anh T cũng không trở về gia đình và địa phương, địa phương cũng không có bất cứ tin tức gì của anh T. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo thủ tục chung. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn – chị Phùng Thị N cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh T để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2021 của cháu Trần Thị Phương T', sinh ngày 30/3/2009 là con chung của chị N và anh T thể hiện nguyện vọng cháu T' mong muốn được ở cùng với chị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn cũng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Trần Đình T và giao con chung Trần Thị Phương T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Phùng Thị N khởi kiện "về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn – anh Trần Đình T (Khi có Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS, ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên tuyên bố anh T mất tích, nơi ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng của anh T tại: thôn P, xã Đi, huyện T, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Do anh Trần Đình T đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS, ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vẫn vắng mặt, đồng thời chị N có đơn xin không tiến hành hòa giải thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, tại phiên toà: trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt và thực hiện đầy đủ quy định theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vụ án khi nguyên đơn vắng mặt đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn – anh Trần Đình T bằng thủ tục niêm yết công khai nhưng tại phiên tòa anh T vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về ly hôn: quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị N và anh Trần Đình T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến ngày 16/8/2009 anh T đi làm ăn kinh tế nhưng không nói cho chị biết là đi đâu và làm công việc gì. Từ ngày 16/8/2009 đến nay chị và gia đình không có tin tức gì của anh T, chị và gia đình hai bên đã nhiều lần thông báo tìm kiếm nhưng không có kết quả. Mặt khác, căn cứ theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST-VDS, ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên tuyên bố anh T mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày Tòa án mở phiên tòa, anh T vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương xác định kể từ khi Tòa án tuyên bố anh T mất tích đến nay, không thấy anh T quay về địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết anh T hiện đang làm gì và ở đâu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về con chung: chị Phùng Thị N và anh Trần Đình T có 01 con chung tên là Trần Thị Phương T', sinh ngày 30/3/2009. Chị N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con thì thấy: kể từ tháng 8/2009 khi anh T bỏ nhà đi đến nay, cháu Trần Thị Phương T' được chị N trực tiếp chăm sóc đến nay. Chị N có công việc ổn định, thu nhập khoảng 5.000.000đồng – 6.000.000đồng/tháng, chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác anh T đã bị Toà án tuyên bố mất tích. Vì vậy, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự ổn định và phát triển của con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: chị N cam kết giữa chị và anh T không nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phùng Thị N được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: giao con chung Trần Thị Phương T' – sinh ngày 30/3/2009 cho chị Phùng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Trần Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong thời gian chị N trực tiếp nuôi con chung mà anh T trở về, nếu con chung chưa đủ thành niên (đủ 18 tuổi), khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: chị Phùng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012016 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Độ